TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 27 tháng 4 năm 2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.
Các Hội thẩm nhân dân**:**
1. Ông Nguyễn Văn Thành
2. Ông Vũ Văn Phong

Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Q - Sinh năm 1996.
Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.
Hiện đang trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1992.
Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.
Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Nam Hà (Địa chỉ: Xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

Tại phiên tòa: Có mặt chị Q. Anh T vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2014 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau cưới vợ chồng chung sống bình thường một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau. Ngày 02/8/2017 anh T vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh xác nhận thời gian kết hôn đúng như chị Q đã trình bày ở trên. Sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau do tính cách, quan điểm sống khác nhau.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị Q xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Q: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên; đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung, tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70,71,72 BLTTDS. Việc anh T vắng mặt tại các phiên hòa giải do điều kiện đang chấp hành phạt và có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy chị Q và anh T xa cách đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh T đang chấp hành hình phạt, chị Q có yêu cầu ly hôn anh T nhất trí, xét thực tế cuộc hôn nhân giữa chị Q và anh T đã thực sự tan vỡ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được vì vậy áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, xử ly hôn giữa chị Đoàn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, khoản nợ, công sức lao động chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện Q và anh T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm: Chị Đoàn Thị Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi cưới, giữa chị Q và anh T đã phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau.

Sau khi chị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Q cho anh T.

Theo yêu cầu của chị Q, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại bản tự khai, anh T trình bày do vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành hình phạt, anh biết được chị Q có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị Q không còn nên cũng nhất trí ly hôn.

Do điều kiện anh T đang chấp hành hình phạt nên không tiến hành hòa giải được, anh T có đề nghị xin vắng mặt.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Q có đơn xin ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn. Việc các đương sự đều đồng ý ly hôn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai bên đều xác định vợ chồng không con chung nên Tòa án không xem xét.

[3].Về tài sản, khoản nợ, công sức lao động chị Q và anh T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị Q và anh T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

2. Án phí: Chị Đoàn Thị Q phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 04744 ngày 04/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã V;
- UBND xã H,huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- BGT Trại giam Nam Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thái Hà